

Bản án số: 1037/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2020
V/v: Ly hôn và tranh chấp
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Bà Phạm Thị Ngọc

2- Bà Nguyễn Phước Trinh

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Anh Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa: Ông Đào Văn Tiền- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1440/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 222/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2020, Quyết định tạm ngừng phiên Tòa số: 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04/8/2020 và Thông báo tiếp tục phiên tòa xét xử vụ án số: 987/TB-TA ngày 04/9/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Khuru Thị Anh T, sinh năm: 1980; Nơi cư trú: Số 39, đường 821, ấp P, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: Ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Ông Dương Hồng Ph, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Số 39, đường 821, ấp P, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn nội dung xin ly hôn ngày 08/11/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Khuru Thị Anh T trình bày: Bà với ông Dương Hồng Ph tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2004, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26/KH, ngày 03/6/2005. Sau khi kết hôn, lúc đầu cuộc sống của vợ chồng bà hạnh phúc và có với nhau 02 người con chung nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn gay gắt. Nguyên nhân là do ông Ph không có trách nhiệm chăm lo gia đình, con cái, mọi việc từ trang trải cuộc sống đến chăm sóc con cái đều do bà lo liệu. Ông Ph đam mê cờ bạc, đá gà, gây nợ nần rất nhiều lần. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên can nhưng ông Ph vẫn không thay đổi mà ngày càng lún sâu. Bà nhận thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, có cố gắng kéo dài cũng không có tương lai nên bà đã ly thân và bỏ ông Ph về nhà cha mẹ ruột của bà ở Tây Ninh sinh sống từ tháng 10/2019 cho đến nay.

Hiện vợ chồng bà không còn tình cảm yêu thương, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Ph.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Dương Thị Hoài Th, sinh ngày 19/5/2005 và Dương Hoài Th1, sinh ngày 24/10/2007; hiện 02 con chung đang sinh sống cùng với ông Ph. Khi vợ chồng bà mâu thuẫn, 02 con đang học tập ổn định ở huyện C nên bà không dẫn các con theo về Tây Ninh. Nay bà yêu cầu giao 02 con chung cho ông Ph trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con, do hoàn cảnh bà khó khăn, chưa có việc làm ổn định.

Về tài sản chung: Bà xác định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà xác định không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Bản sao trích lục kết hôn, 02 Giấy khai sinh (bản sao), Chứng minh nhân dân+ Sổ hộ khẩu (sao y).

Bị đơn ông Dương Hồng Ph trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa trình bày: Ông thừa nhận quá trình đăng ý kết hôn và chung sống như bà T trình bày là đúng. Ông thừa nhận trước đây có cờ bạc, gây nợ nần nhưng ông đã khắc phục sửa chữa. Mặc dù vợ chồng ông đã ly thân 02 năm nay, không còn đời sống tình dục và vợ ông đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ cuối năm 2019 đến nay nhưng ông vẫn còn thương yêu vợ con, mong muốn được đoàn tụ và không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Dương Thị Hoài Th, sinh ngày 19/5/2005 và Dương Hoài Th1, sinh ngày 24/10/2007. Tại phiên Tòa, ông trình bày trong trường hợp Tòa án giải quyết buộc ông với bà T ly hôn thì ông yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông xác định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông xác định không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Bản tự khai.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên Tòa: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, tại phiên Tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Tuy nhiên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của bà T. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Khuru Thị Anh T, bà Khuru Thị Anh T được ly hôn với ông Dương Hồng Ph; Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên giao 02 con chung tên là Dương Thị Hoài Th, sinh ngày 19/5/2005 và Dương Hoài Th1, sinh ngày 24/10/2007 cho ông Ph trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của ông Ph không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nghĩa vụ dân sự chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật về “ly hôn và tranh chấp nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã H, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Khuru Thị Anh T với ông Dương Hồng Ph tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26/KH, ngày 03/6/2005 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà T xin ly hôn với ông Ph là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của bà T, sự thừa nhận của ông Ph và xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú thì mâu thuẫn giữa bà T ông Ph là trầm trọng và không thể hàn gắn; nguyên nhân là do ông Ph không có trách nhiệm chăm lo gia đình, đam mê cờ bạc, đá gà, gây nợ nần; hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên can nhưng ông Ph vẫn không thay đổi; bà T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 10/2019 đến nay, vợ chồng ông bà đã ly thân và không đời sống tình dục hơn 02 năm nay. Tại phiên Tòa ông Ph không đồng ý ly hôn nhưng không xuất trình bất cứ tài liệu tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Từ phân tích trên, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà T với ông Ph không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai người không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Dương Thị Hoài Th, sinh ngày 19/5/2005 và Dương Hoài Th1, sinh ngày 24/10/2007. Qua tham khảo ý kiến của 02 trẻ đều mong muốn ở với mẹ. Tuy nhiên, tại phiên Tòa 02 bên đều thống nhất giao 02 con chung cho ông Ph trực tiếp nuôi dưỡng trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, xét thấy cần giao 02 con chung cho ông Ph trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Ph không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Các bên xác định không có, Tòa án không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Các bên xác định không có, Tòa án không xem xét.

[3] Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án: Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự, là phù hợp, Hội đồng xét xử nghi nhận; Về phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về nội dung vụ án là hoàn toàn phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[4] Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Cần buộc bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Khuru Thị Anh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Khuru Thị Anh T được ly hôn với ông Dương Hồng Ph.

Giấy chứng nhận kết hôn số 26/KH, ngày 03/6/2005 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện C cấp cho bà T, ông Ph không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên là Dương Thị Hoài Th, sinh ngày 19/5/2005 và Dương Hoài Th1, sinh ngày 24/10/2007. Công nhận sự thỏa thuận của các bên là: Giao 02 con chung cho ông Ph trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của ông Ph không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi, do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Các bên xác định không có nên Tòa án không xem xét.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: Các bên xác định không có nên Tòa án không xem xét.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) buộc bà Khuru Thị Anh T phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0083051 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã H, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Thị Xuân Lan